TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/4/2021.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Tý.

Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 651/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày: 08/3/2021, quyết định hoãn phiên toà số: 20/2021/QĐST – HNGĐ ngày: 31/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: HTY, sinh năm: 1962 – (Có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp TB3, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: TKĐ, sinh năm: 1966 – (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, ấp TB3, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020, bản khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn bà HTY trình bày: Bà Y chung sống với ông Đ vào năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước lúc lúc chung sống có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc chung sống của ông bà là hoàn toàn tự nguyện không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc với nhau đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ năm 2002 ông Đ bỏ nhà đi cho đến nay. Từ khi ông Đ bỏ đi bà Y đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả. Do đó bà Y đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ mất tích và Tòa án nhân dân huyện XM đã có quyết định số 13/2020/QĐST – VDS tuyên bố ông TKĐ mất tích.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông TKĐ.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung với nhau là: TTTV, sinh ngày 16/5/1989; TTHN, sinh ngày: 21/11/1992; TTNN, sinh ngày: 09/6/1994 và TTMT, sinh ngày: 22/8/1997. Hiện nay tất cả đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông TKĐ, ngày 23/10/2020 Tòa án nhân dân huyện XM ra quyết định số 13/2020/QĐST – VDS tuyên bố ông TKĐ mất tích theo đơn yêu cầu của bà HTY. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông TKĐ vẫn không có mặt tại Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay ông Đ vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập

của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà HTY khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà Y ly hôn với ông TKĐ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà HTY có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 28), ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Y và ông Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bà Y chung sống với ông Đ không đăng ký kết hôn, nhưng thời điểm chung sống với nhau là từ năm 1987, đã có 04 con chung với nhau nên được xem là hôn nhân thực tế.

Bà Y và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Y trình bày là: do ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ năm 2002 ông Đ bỏ nhà đi từ đó đến nay không về. Bà Y có yêu cầu và Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có quyết định tuyên bố ông TKĐ mất tích.

Xét thấy: Trên thực tế từ năm 2002 cho đến nay bà Y và ông Đ không còn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau, ông Đ được xác định là đã mất tích. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của bà Y. Về hôn nhân bà Y được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là: TTTV, sinh ngày 16/5/1989; TTHN, sinh ngày: 21/11/1992; TTNN, sinh ngày: 09/6/1994 và TTMT, sinh ngày: 22/8/1997. Hiện nay tất cả đều đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên bà Y phải chịu án phí theo quy định.

[6] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà HTY đối với ông TKĐ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà HTY được ly hôn với ông TKĐ.

2. Về con chung: Có 04 con chung là: TTTV, sinh ngày 16/5/1989; TTHN, sinh ngày: 21/11/1992; TTNN, sinh ngày: 09/6/1994 và TTMT, sinh ngày: 22/8/1997. Hiện nay tất cả đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà HTY phải chịu 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0008978 ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Bà Y đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã XM, huyện XM, tỉnh BR-VT.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn